TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 40/2023/HNGĐ - ST Ngày 29 - 9-2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng

2. Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1989

ĐKHKTT: Thôn G, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Bùi Quang C, sinh năm 1989

ĐKHKTT: Thôn G, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị Đ, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Quang C xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24 tháng 02 năm 2010. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Trong cuộc sống vợ chồng và hai bên gia đình thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được. Nhiều lần anh C có hành vi bạo lực với chị dẫn đến chị phải nằm viện điều trị. Vợ chồng đã hòa giải, cố gắng cho nhau cơ hội nhưng không thể khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay chị không có thai nghén. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị xin được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 17/8/2010 và Bùi Quang V, sinh ngày 30/7/2015. Hiện nay cháu T đang ở với anh C, cháu V đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi cháu V còn anh C nuôi cháu T. Chị không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Quang C trình bày:* Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị Đ. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng. Anh và chị Đ sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Nay chị Đ xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh và chị Đ có 02 con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 17/8/2010 và Bùi Quang V, sinh ngày 30/7/2015. Hiện nay cháu T đang ở với anh, cháu V đang ở với chị Đ. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:* Chị Đ trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh C nhiều lần đánh chị, chị đã cho anh C nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi, sửa chữa. Chị xét thấy không thể tiếp tục hôn nhân với anh C được nữa nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về con chung: Hiện nay chị buôn bán ở chợ tại khu vực thị trấn B, huyện H, thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con. Chị giữ nguyên quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V còn anh C trực tiếp nuôi dưỡng

cháu T. Chị không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị Đ và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24 tháng 02 năm 2010, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Đ được ly hôn anh C.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Quang V, sinh ngày 30/7/2015 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Bùi Quang T, sinh ngày 17/8/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị Đ và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Anh Bùi Quang C có địa chỉ thường trú tại thôn Thôn G, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Bùi Quang C nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Anh Bùi Quang C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh C là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Hôn nhân giữa chị Lê Thị Đ và anh Bùi Quang C dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân là do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, bất đồng quan điểm giữa vợ chồng và giữa chị Đ với mẹ chồng. Từ đó cuộc sống không còn hạnh phúc. Chị Đ và anh C đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh C quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh C không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh C không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ được ly hôn anh C là phù hợp.

- Về con chung: Chị Đ và anh C có 02 con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 17/8/2010 và Bùi Quang V, sinh ngày 30/7/2015. Hiện nay cháu T đang ở với anh C, cháu V đang ở với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi cháu V còn anh C nuôi cháu T. Cháu V cũng có nguyện vọng xin được ở với chị Đ, cháu T có nguyện vọng xin được ở với anh C. Theo Biên bản xác

minh ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại chính quyền địa phương xét thấy chị Đ và anh C đều có đủ điều kiện nuôi con. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của anh chị là chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Bùi Quang V cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Quang T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng, chị Đ và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Đ và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Bùi Quang C.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quang T, sinh ngày 17/8/2010 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Quang V, sinh ngày 30/7/2015 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đ và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Đ và anh Bùi Quang C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0003016 ngày 12/5/2023. Chấp nhận chị Lê Thị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị Đ vắng mặt anh C. Chị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND xã L;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà